



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1559

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 02/06/2026 đến ngày 08/06/2026)

A/ THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

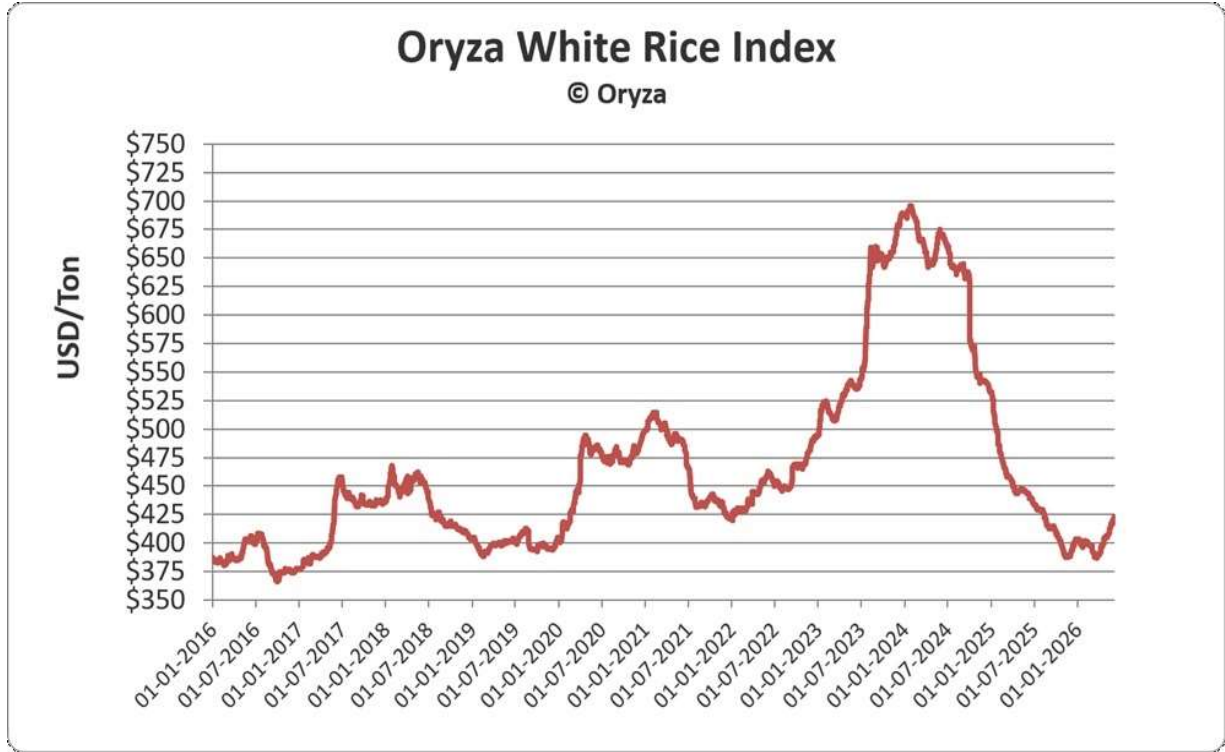
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	02 – 06		03 – 06		04 – 06		05 – 06	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	467	471	467	471	467	471	467	471
	5% tấm	457	461	459	463	457	461	459	463
	25% tấm	439	443	441	445	439	443	441	445
	Hom Mali 92%	1176	1180	1176	1180	1176	1180	1176	1180
	Gạo đỏ 100% Stxd	457	461	460	464	457	461	460	464
	A1 Super	415	419	416	420	415	419	416	420
VIỆT NAM	5% tấm	415	419	416	420	415	419	416	420
	25% tấm	388	392	388	392	388	392	388	392
	Gạo thơm 5% tấm	490	495	490	495	490	495	490	495
	Jasmine	517	521	517	521	517	521	517	521
	100% tấm	343	347	344	348	343	347	344	348
ẤN ĐỘ	5% tấm	339	343	339	343	339	343	339	343
	25% tấm	326	330	325	329	326	330	325	329
	Gạo đỏ 5% Stxd	327	331	329	333	327	331	329	333
	100% tấm Stxd	276	280	276	280	276	280	276	280
PAKISTAN	5% tấm	357	361	360	364	357	361	360	364
	25% tấm	340	344	342	346	340	344	342	346
	100% tấm Stxd	323	327	324	328	323	327	324	328
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	395	399	406	410	395	399	406	410
MỸ	4% tấm	540	544	540	544	540	544	540	544
	15% tấm (Sacked)	543	547	543	547	543	547	543	547
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	885	889	885	889	885	889	885	889

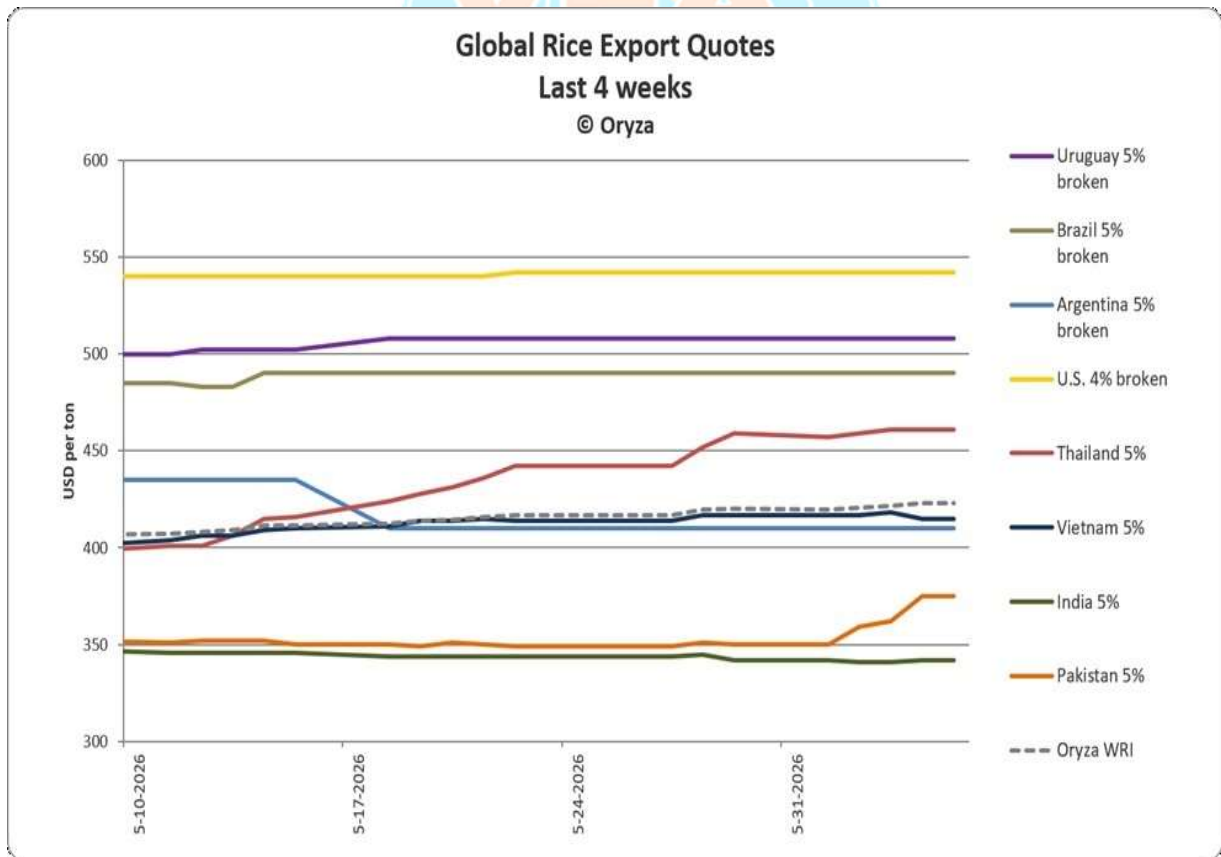
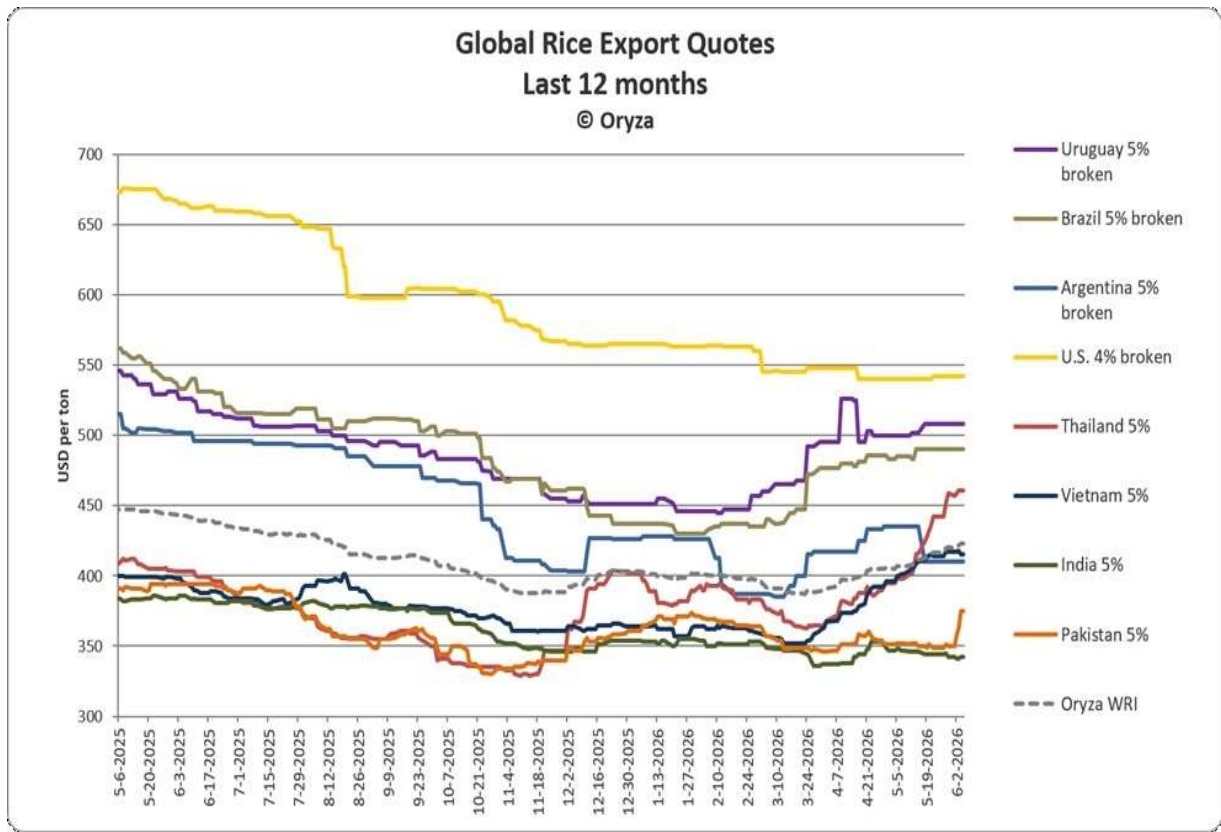
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

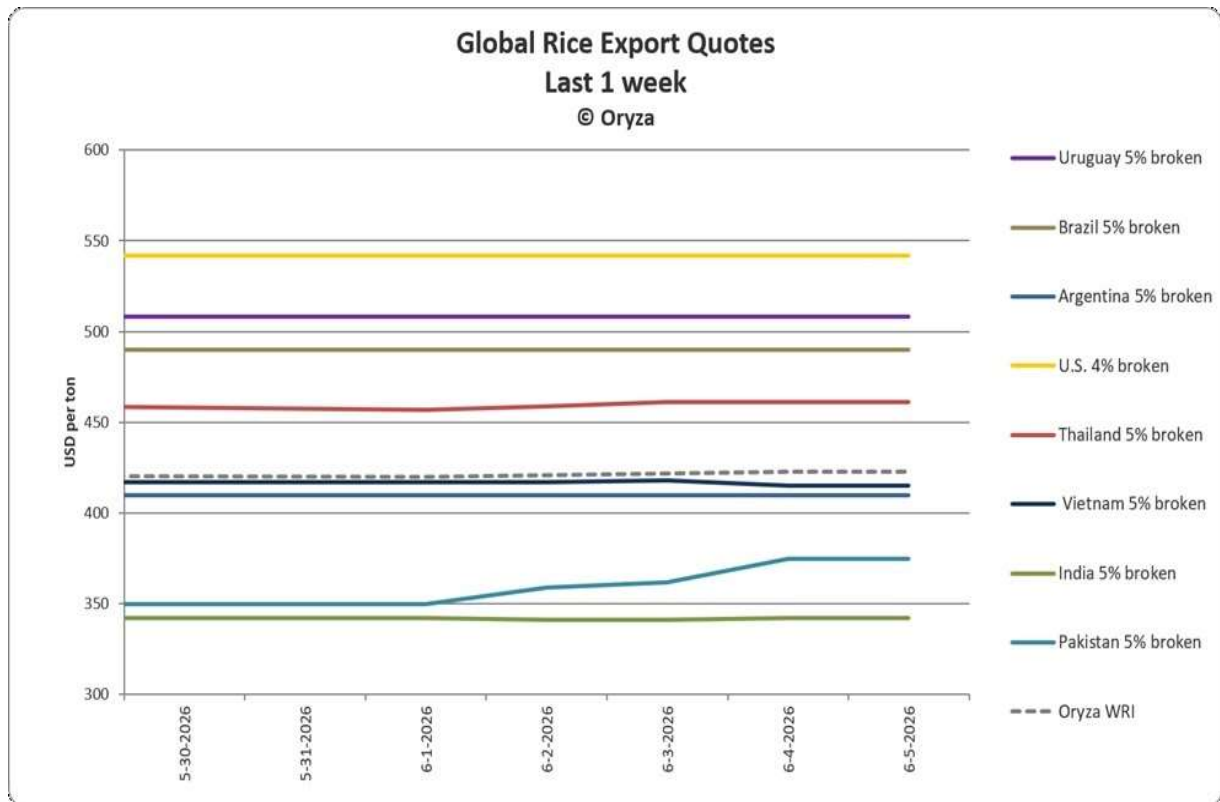
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 423 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tuần trước và tăng 16 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 20 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Giá gạo châu Á tăng mạnh trong tháng 5/2026, đặc biệt giá gạo trắng Thái Lan tăng 20%, do lo ngại El Niño, chi phí phân bón, nhiên liệu tăng và rủi ro gián đoạn nguồn cung. Tuy nhiên, lượng tồn kho lớn của Ấn Độ và nhu cầu nhập khẩu chưa mạnh có thể hạn chế đà tăng giá.

Các tổ chức khí tượng quốc tế dự báo El Niño có xác suất 82% xuất hiện vào tháng 7/2026 và 67% phát triển thành "Siêu El Niño" trong năm 2027. Hiện tượng này có thể gây hạn hán tại Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia và Úc, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất lúa gạo và nhiều nông sản khác.

Mặc dù rủi ro thời tiết gia tăng, các báo cáo Sáng kiến Giám sát Nông nghiệp Toàn cầu thuộc Nhóm Quan sát Trái đất (GEOGLAM), Hệ thống Thông tin Thị trường Nông sản (AMIS) và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) cho thấy điều kiện sản xuất lúa gạo toàn cầu hiện vẫn thuận lợi. FAO dự báo nguồn cung gạo thế giới niên vụ 2026/27 đạt mức cao kỷ lục 772,1 triệu tấn nhờ tồn kho lớn, trong khi tồn kho cuối kỳ vẫn duy trì ở mức 213,8 triệu tấn.

Chỉ số giá gạo FAO tháng 5/2026 tăng 2,7% so với tháng trước. Giá gạo Việt Nam tăng mạnh nhất do nguồn cung hạn chế, trong khi giá gạo Thái Lan được hỗ trợ bởi lo ngại El Niño. Ngược lại, giá gạo Ấn Độ và Pakistan chịu áp lực do nhu cầu nhập khẩu suy yếu.

Theo Bloomberg dự báo giá phân bón toàn cầu tiếp tục ở mức cao trong năm 2026 do nguồn cung phân đạm, lưu huỳnh và phân lân bị thắt chặt. Chi

phí đầu vào tăng có thể ảnh hưởng đến quyết định sản xuất của nông dân và tạo thêm áp lực đối với thị trường nông sản thế giới.

Trong ngắn hạn, nguồn cung gạo toàn cầu vẫn tương đối dồi dào nhờ tồn kho lớn. Tuy nhiên, El Niño là yếu tố rủi ro lớn nhất đối với thị trường gạo nửa cuối năm 2026 và đầu năm 2027, đặc biệt nếu ảnh hưởng tiêu cực đến mùa mưa tại Ấn Độ và các nước sản xuất gạo chủ chốt ở Đông Nam Á.

Indonesia

Theo Cơ quan Thống kê Quốc gia Indonesia, sản lượng gạo của nước này trong giai đoạn tháng 1–7/2026 được dự báo đạt 21,95 triệu tấn, giảm nhẹ 0,35% so với cùng kỳ năm trước. Riêng giai đoạn thu hoạch quan trọng từ tháng 5–7, sản lượng dự kiến đạt 7,92 triệu tấn, giảm 1,16% so với cùng kỳ. Triển vọng suy giảm chủ yếu do tác động của hiện tượng El Niño đang hình thành, bắt đầu ảnh hưởng đến khu vực từ tháng 4 và dự kiến đạt đỉnh vào khoảng tháng 8, kéo theo mùa khô kéo dài và khắc nghiệt hơn, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất cây trồng.

Indonesia đang đẩy nhanh tiến độ gieo trồng lúa trước khi El Niño năm 2026 đạt đỉnh nhằm bảo đảm an ninh lương thực và duy trì sản lượng ổn định. Chính phủ đã triển khai chương trình gieo trồng trên diện tích 750 ha tại Đông Java, đồng thời mở rộng hỗ trợ nông dân thông qua cải thiện khả năng tiếp cận hệ thống tưới tiêu, giống, phân bón và máy móc nông nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro hạn hán, cơ quan chức năng đang tăng cường đầu tư hạ tầng thủy lợi, khoan giếng, lắp đặt máy bơm và nâng cấp hệ thống tưới tiêu; gần 100.000 máy bơm nước đã được phân phối kể từ năm 2024. Mặc dù El Niño được dự báo sẽ gây thời tiết nóng và khô hơn tại nhiều quốc gia sản xuất gạo lớn ở châu Á như Indonesia, Ấn Độ, Malaysia và Philippines trong giai đoạn tháng 7–9, giới chức Indonesia vẫn tin tưởng rằng lượng dự trữ gạo dồi dào cùng việc tăng cường cường độ canh tác sẽ giúp duy trì ổn định sản lượng và nguồn cung.

Philippines

Chính phủ Philippines đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ thu nhập của nông dân trồng lúa trong vụ thu hoạch mùa mưa sắp tới, trong bối cảnh giá lúa giảm và lượng gạo nhập khẩu gia tăng gây áp lực lên lợi nhuận của người sản xuất. Các biện pháp đang được xem xét bao gồm thu mua tạm trữ của Nhà nước, hỗ trợ thị trường và các chương trình hỗ trợ nhằm ổn định giá thu mua tại ruộng, đồng thời vẫn bảo đảm giá gạo hợp lý cho người tiêu dùng. Động thái này là một phần trong nỗ lực quản lý nguồn cung và giá gạo, sau các cuộc thảo luận trước đó về việc hạn chế nhập khẩu trong thời gian thu hoạch cao điểm và tăng cường hỗ trợ sản xuất trong nước. Chính phủ Philippines nhấn mạnh rằng việc bảo vệ thu nhập của nông dân là

yếu tố then chốt để duy trì sản xuất lúa gạo trong nước và bảo đảm an ninh lương thực lâu dài.

Philippines dự kiến sẽ đề nghị tăng cường thực thi các hợp đồng nhập khẩu gạo với các nhà xuất khẩu Việt Nam sau nhiều trường hợp nhà cung cấp hủy hoặc không thực hiện hợp đồng khi giá gạo tăng. Vấn đề này dự kiến sẽ được nêu ra trong các cuộc trao đổi song phương sắp tới giữa hai nước, trong bối cảnh Việt Nam và Philippines đang thúc đẩy hợp tác kinh tế và mở rộng kim ngạch thương mại song phương vượt 10 tỷ USD. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng bởi Việt Nam hiện là nguồn cung gạo lớn nhất của Philippines và hai bên đã thống nhất khuôn khổ hợp tác thương mại gạo dài hạn đến tháng 4/2027. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều câu hỏi về khả năng thực thi các cam kết về cung ứng và giá cả trong môi trường thương mại chủ yếu do khu vực tư nhân chi phối.

Theo The Manila Times, dẫn số liệu của Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), tính đến ngày 29/5/2026, Philippines đã nhập khẩu khoảng 2,22 triệu tấn gạo, tăng khoảng 15% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lượng nhập khẩu theo tháng gồm: tháng 1 đạt 381 nghìn tấn, tháng 2 đạt 442 nghìn tấn, tháng 3 đạt 481 nghìn tấn, tháng 4 đạt 411 nghìn tấn và tháng 5 đạt 503 nghìn tấn. Việt Nam tiếp tục là nhà cung cấp gạo lớn nhất cho Philippines, tiếp theo là Thái Lan, Pakistan, Miến Điện và Ấn Độ. Khối lượng nhập khẩu lớn phản ánh sự phụ thuộc của Philippines vào nguồn cung bên ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và duy trì ổn định giá gạo. Giới chức nước này dự kiến sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ hoạt động nhập khẩu trong thời gian tới nhằm cân bằng giữa mục tiêu ổn định giá lương thực và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành lúa gạo trong nước.

Theo Bloomberg, lạm phát tiêu dùng của Philippines trong tháng 5/2026 tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức kỳ vọng của thị trường là 7,8%. So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,5%, trái ngược với dự báo tăng 0,6%. Mặc dù áp lực lạm phát chung đang giảm nhanh hơn dự kiến, giá gạo vẫn là yếu tố gây sức ép lớn khi tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước và tiếp tục là một trong những nguyên nhân chính thúc đẩy lạm phát thực phẩm. Trong khi đó, lạm phát cơ bản tăng 4,1% và lạm phát tại Vùng Thủ đô Quốc gia (NCR) đạt 5,0%. Trong 5 tháng đầu năm 2026, lạm phát bình quân của Philippines cao hơn 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nhật Bản

Gạo vẫn là lương thực chủ đạo trong chế độ ăn uống của người Nhật Bản mặc dù bánh mì, mì và các thực phẩm thay thế khác ngày càng phổ biến. Một khảo sát gần đây của Nippon cho thấy 86,8% người tiêu dùng Nhật Bản

ăn cơm trắng ít nhất một lần mỗi ngày, trong đó gần một phần ba sử dụng hai lần mỗi ngày, phản ánh vai trò văn hóa và dinh dưỡng quan trọng của gạo trong đời sống người dân. Khảo sát cũng cho thấy gần 80% số người được hỏi đánh giá cao hương vị của gạo, trong đó cơm mới nấu là hình thức được ưa chuộng nhất, tiếp theo là cơm nắm và gạo vụn mới. Để nâng cao chất lượng và hương vị, nhiều người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn gạo mới thu hoạch, các giống gạo đặc sản theo vùng, đồng thời áp dụng các phương pháp truyền thống như xay xát từng lượng nhỏ gạo lứt và ngâm gạo trong nước lạnh trước khi nấu.

Nhật Bản dự kiến cải cách lớn chính sách hỗ trợ ngành lúa gạo từ năm tài khóa 2027. Theo đó, cơ chế trợ cấp dựa trên diện tích canh tác sẽ được thay thế bằng chương trình hỗ trợ dựa trên năng suất và hiệu quả sản xuất đối với cả đất lúa nước và đất nông nghiệp cạn. Chính sách mới khuyến khích nông dân áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến, giống cây trồng cải tiến và công nghệ nông nghiệp thông minh, đồng thời hỗ trợ dựa trên kết quả sản xuất thay vì diện tích đất. Cải cách cũng bao gồm các ưu đãi tạm thời dành cho các nhà sản xuất gạo phục vụ thị trường thực phẩm chế biến sẵn và dịch vụ ăn uống nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trước lượng gạo nhập khẩu gia tăng. Chính sách được thúc đẩy bởi các lo ngại về tình trạng suy giảm số lượng nông dân, đất nông nghiệp bị bỏ hoang và yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực lâu dài.

Hạ viện Nhật Bản đã thông qua Luật Lương thực sửa đổi, chuyển định hướng chính sách gạo từ việc sản xuất theo chỉ tiêu do Chính phủ định hướng sang sản xuất dựa trên nhu cầu thực tế của thị trường. Dự luật loại bỏ các nội dung liên quan đến chính sách cắt giảm diện tích trồng lúa tồn tại lâu năm và hướng tới ngăn ngừa tình trạng dư cung, ổn định giá cả thông qua việc điều chỉnh sản lượng phù hợp với nhu cầu tiêu dùng trong nước. Luật cũng tăng cường an ninh lương thực bằng việc xây dựng hệ thống dự trữ gạo do khu vực tư nhân tham gia quản lý, yêu cầu các doanh nghiệp thu mua và kinh doanh ngũ cốc lớn nắm giữ một phần lượng gạo dự trữ khẩn cấp quốc gia để có thể giải phóng nhanh khi xảy ra thiếu hụt. Việc cải cách này được thúc đẩy từ bài học của “Khủng hoảng gạo Reiwa”, khi nhu cầu tiêu dùng bị đánh giá thấp dẫn đến thiếu hụt nguồn cung. Bộ trưởng Nông nghiệp Norikazu Suzuki cho biết Chính phủ sẽ thúc đẩy nhu cầu thông qua xuất khẩu, sản xuất bột gạo và các mục đích sử dụng mới thay vì áp dụng các biện pháp kiểm soát sản xuất. Dự luật hiện sẽ được trình lên Thượng viện xem xét.

Úc

Úc nhiều khả năng sẽ chứng kiến sự quay trở lại của hiện tượng El Niño trong năm nay khi các cơ quan khí tượng dự báo hiện tượng này sẽ hình thành

trước tháng 11 và có cường độ ít nhất ở mức trung bình. El Niño thường gắn liền với nhiệt độ nước biển Thái Bình Dương cao hơn bình thường, kéo theo thời tiết nóng và khô hơn tại Úc, làm gia tăng nguy cơ hạn hán, nắng nóng cực đoan, cháy rừng và hiện tượng tẩy trắng san hô. Các chuyên gia cảnh báo biến đổi khí hậu có thể làm trầm trọng thêm những tác động này, dẫn đến các hiện tượng thời tiết cực đoan hơn trong tương lai.

Ngành lúa gạo Úc đã trải qua một vụ mùa khó khăn trong niên vụ 2025/26 khi sản lượng gạo cả nước được Cục Kinh tế và Khoa học Nông nghiệp và Tài nguyên Úc (ABARES) dự báo chỉ đạt khoảng 178 nghìn tấn, giảm 66% so với năm trước và là vụ thu hoạch thấp nhất kể từ niên vụ 2019/20. Nguyên nhân chủ yếu là diện tích gieo trồng giảm 63% do nguồn nước tưới hạn chế và giá nước tăng cao khiến nông dân cắt giảm diện tích sản xuất. Mặc dù sản lượng giảm mạnh, năng suất vẫn duy trì gần mức trung bình 10 năm nhờ điều kiện sinh trưởng thuận lợi tại bang New South Wales (NSW), nơi chiếm gần như toàn bộ sản lượng gạo của Úc. Sản lượng gạo của NSW được ước tính đạt 175 nghìn tấn, giảm 66% so với năm trước, trong khi diện tích gieo trồng giảm 64% xuống còn khoảng 17 nghìn ha. Báo cáo cho thấy khan hiếm nước và chi phí tưới tiêu cao là những thách thức chính của ngành, khiến lúa gạo trở thành một trong những cây trồng vụ hè chịu ảnh hưởng nặng nề nhất trong niên vụ 2025/26.

Fiji đang đẩy mạnh các nỗ lực nhằm giảm phụ thuộc vào gạo nhập khẩu trong bối cảnh giá dầu thô thế giới tăng cao làm gia tăng chi phí nhập khẩu thực phẩm và khiến nước này dễ bị tác động bởi biến động thị trường quốc tế. Chính phủ Fiji thừa nhận sản lượng gạo trong nước hiện chưa đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, trong khi giá nhiên liệu tăng đang làm tăng chi phí vận chuyển, phân bón và sản xuất tại các quốc gia xuất khẩu gạo, từ đó khiến giá nhập khẩu cao hơn. Để tăng cường an ninh lương thực, Fiji đang mở rộng các chương trình phát triển sản xuất lúa gạo, thúc đẩy sử dụng giống thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường cơ giới hóa và nâng cấp hệ thống xay xát. Chương trình cũng hướng tới giảm áp lực lên dự trữ ngoại hối và tạo thêm việc làm tại khu vực nông thôn.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tám hiện được chào bán ở mức khoảng 508 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 8 USD/tấn so với một tháng trước nhưng thấp hơn khoảng 18 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Argentina, giá gạo 5% tám của hiện ở mức khoảng 410 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, giảm khoảng 25 USD/tấn so với một tháng trước và thấp hơn khoảng 92 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil, giá gạo 5% tấm của hiện được chào bán ở mức khoảng 490 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 4 USD/tấn so với một tháng trước nhưng giảm khoảng 50 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh **Cuba** đang đối mặt với cuộc khủng hoảng lương thực ngày càng nghiêm trọng và gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn nhập khẩu gạo với giá cả hợp lý, nông dân trồng lúa của Hoa Kỳ nhìn thấy cơ hội mở rộng xuất khẩu sang thị trường này. Khi nhu cầu tiêu thụ trong nước của Hoa Kỳ suy yếu và diện tích gieo trồng lúa giảm, Cuba được xem là thị trường tiềm năng có lợi cho cả hai bên nhờ vị trí địa lý gần. Tuy nhiên, các lệnh cấm vận và hạn chế thương mại kéo dài của Hoa Kỳ vẫn đang hạn chế quy mô giao dịch nông sản giữa hai nước, khiến các nhà sản xuất Mỹ chưa thể tận dụng đầy đủ cơ hội này.

Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tấm của Hoa Kỳ hiện được chào bán ở mức khoảng 542 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 2 USD/tấn so với một tháng trước nhưng thấp hơn khoảng 123 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), trong tuần kết thúc ngày 28/5/2026, lượng bán ròng gạo xuất khẩu của Hoa Kỳ trong niên vụ 2024/25 đạt 15.000 tấn. Nhật Bản là khách hàng lớn nhất với 12.100 tấn, tiếp theo là Mexico (1.400 tấn), Canada (1.000 tấn), Bỉ (200 tấn) và Đài Loan (100 tấn).

Trong cùng kỳ, lượng gạo xuất khẩu thực tế đạt 30.900 tấn, trong đó Nhật Bản tiếp tục dẫn đầu với 13.200 tấn, tiếp theo là Haiti (8.000 tấn), Mexico (4.800 tấn), Canada (1.300 tấn) và Hàn Quốc (1.200 tấn). Các số liệu này cho thấy nhu cầu tương đối ổn định từ các thị trường nhập khẩu chủ chốt của Hoa Kỳ.

Nông dân trồng lúa tại bang Texas bước vào vụ sản xuất năm 2026 với điều kiện sinh trưởng nhìn chung thuận lợi nhờ gieo trồng sớm và lượng mưa khá tốt. Tuy nhiên, ngành lúa gạo vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Giá gạo thấp và tình trạng dư cung trên thị trường thế giới được dự báo sẽ khiến diện tích gieo trồng thực tế giảm từ mức 125.000 mẫu Anh theo dự báo của USDA xuống còn khoảng 100.000 mẫu Anh.

Bên cạnh đó, nông dân cũng đang theo dõi sát nguy cơ tái xuất hiện của rầy lưng trắng hại lúa (rice delphacid) – loại dịch hại đã gây thiệt hại đáng kể trong năm trước. Mặc dù hiện chưa ghi nhận các ổ dịch lớn, các chuyên gia cảnh báo loài côn trùng này có thể lây lan nhanh và ảnh hưởng đến năng suất nếu không được kiểm soát kịp thời. Thuốc điều hòa sinh trưởng côn trùng Courier đã được cấp phép khẩn cấp và được xem là công cụ quản lý quan trọng trong trường hợp dịch bùng phát. Tuy nhiên, thời tiết mưa kéo dài tại một

số khu vực vẫn đang làm chậm tiến độ gieo trồng và các hoạt động sản xuất trên đồng ruộng.

Châu Phi

Ghana đã xác định khoảng 515.000 ha đất trồng lúa hiện có thông qua công nghệ lập bản đồ vệ tinh nhằm thu hút đầu tư tư nhân và thúc đẩy sản xuất lúa gạo trong nước. Nền tảng dữ liệu này cung cấp thông tin chi tiết về diện tích canh tác, tiềm năng tưới tiêu, điều kiện sinh thái và khoảng cách năng suất, giúp các nhà đầu tư đưa ra quyết định chính xác hơn.

Hệ thống cũng hỗ trợ giám sát cây trồng và ước tính sản lượng, nâng cao tính minh bạch cho các tổ chức tín dụng và nhà phát triển dự án. Đây là một phần trong chiến lược dài hạn của Ghana nhằm giảm phụ thuộc vào gạo nhập khẩu và tiến tới tự chủ lương thực thông qua phát triển nông nghiệp dựa trên dữ liệu.

Ghana đang tìm kiếm các nguồn đầu tư dài hạn để phát triển ngành lúa gạo trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực và phát triển công nghiệp. Tại Hội nghị Bàn tròn Đầu tư Gạo Tây Phi năm 2026 tổ chức tại Accra, Thứ trưởng Tài chính Ghana nhấn mạnh nỗ lực của Chính phủ trong việc xây dựng môi trường chính sách thuận lợi cho đầu tư vào toàn bộ chuỗi giá trị lúa gạo nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và thúc đẩy sản xuất, chế biến trong nước.

Ông cho biết Tây Phi hiện chi khoảng 3 – 4 tỷ USD mỗi năm để nhập khẩu gạo mặc dù khu vực này có tiềm năng nông nghiệp rất lớn. Theo ông, thách thức chủ yếu không nằm ở nguồn lực tự nhiên mà ở việc thiếu đầu tư dài hạn vào hệ thống thủy lợi, kho bãi, logistics, xay xát và chế biến nông sản. Ông kêu gọi các nhà đầu tư hỗ trợ những dự án có khả năng thu hút nguồn vốn quy mô lớn nhằm xây dựng hệ thống lương thực bền vững cho khu vực.

Các quốc gia Tây Phi hiện chi từ 3–4 tỷ USD mỗi năm cho nhập khẩu gạo, một thực trạng được Chính phủ Ghana đánh giá là không bền vững. Theo Thứ trưởng Tài chính Ghana, việc phụ thuộc quá lớn vào nhập khẩu khiến khu vực thất thoát nguồn ngoại tệ đáng kể, làm suy yếu chuỗi giá trị nông nghiệp nội địa, gia tăng mức độ dễ tổn thương trước các cú sốc thị trường toàn cầu và hạn chế cơ hội tạo việc làm cũng như tăng trưởng kinh tế.

Ông nhấn mạnh rằng Tây Phi có đủ đất đai, nguồn nước và lao động để mở rộng sản xuất lúa gạo nhưng vẫn thiếu nguồn vốn đầu tư dài hạn cho thủy lợi, cơ giới hóa, chế biến, bảo quản và tín dụng nông nghiệp. Nhiều bên liên quan trong khu vực cũng cảnh báo rằng sự phụ thuộc vào nhập khẩu đang trở thành rủi ro ngày càng lớn đối với an ninh lương thực của Tây Phi. Những nội dung này phù hợp với mục tiêu của Lộ trình Gạo ECOWAS giai đoạn 2025–

2035, hướng tới tăng cường sản xuất lúa gạo trong khu vực và giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn cung nhập khẩu khi nhu cầu tiêu dùng tiếp tục gia tăng.

Châu Âu

Liên minh châu Âu sẽ tạm thời đình chỉ thuế nhập khẩu trong thời hạn một năm đối với một số loại phân bón chứa nitơ quan trọng như urê và amoniac nhằm giảm áp lực chi phí đầu vào cho nông dân. Quyết định được đưa ra trong bối cảnh xung đột tại Iran và các gián đoạn thương mại xung quanh eo biển Hormuz - tuyến vận tải chiến lược của thị trường phân bón toàn cầu - làm gia tăng nguy cơ tăng giá phân bón. Biện pháp này áp dụng trong phạm vi hạn ngạch dựa trên khối lượng nhập khẩu năm 2024 và loại trừ nguồn cung từ Nga và Belarus. Hội đồng Liên minh châu Âu cho biết mức thuế từ 5,5% đến 6,5% vẫn đang được áp dụng đối với nhiều mặt hàng nhập khẩu và việc miễn thuế dự kiến sẽ có hiệu lực trong thời gian ngắn tới đây. Trong khi đó, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) cảnh báo rằng nếu hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz bị gián đoạn kéo dài, thế giới có thể phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng về nông sản và lương thực, đặc biệt khi nguồn cung gạo tại châu Á đang chịu áp lực từ hiện tượng El Niño.

Tính đến ngày 24/5/2026, hoạt động thương mại gạo của EU trong niên vụ 2025/26 ghi nhận sự suy giảm ở cả chiều nhập khẩu và xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước. Tổng lượng gạo nhập khẩu đạt khoảng 1,012 triệu tấn quy xay xát, giảm 8,7%, chủ yếu do lượng nhập khẩu gạo lứt, gạo xay xát và lúa giảm. Gạo Indica tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nhập khẩu.

Các nguồn cung gạo xay xát và bán xay xát chính của EU gồm: Campuchia: 24,6%; Miến Điện: 23,7%; Ấn Độ: 18,3%; Thái Lan: 16,2% và Pakistan: 11,6%.

Điều này cho thấy EU vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung từ khu vực Nam Á và Đông Nam Á.

Ở chiều xuất khẩu, tổng lượng gạo xuất khẩu của EU đạt khoảng 204.239 tấn, giảm 5,45% so với cùng kỳ năm trước. Gạo Japonica tiếp tục là chủng loại xuất khẩu chủ lực. Các thị trường nhập khẩu chính gồm Vương quốc Anh, Thụy Sĩ, Belarus, Na Uy và Serbia, cho thấy hoạt động xuất khẩu gạo của EU.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 342 USD/tấn, ít biến động so với tuần trước, tuy nhiên giảm 6 USD/tấn so với tháng trước và giảm 44 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường xuất khẩu gạo tiếp tục trầm lắng do nhu cầu mua yếu từ châu Phi và châu Á. Nhu cầu phân bón được điều chỉnh giảm do lo ngại mưa ít sẽ làm giảm diện tích gieo trồng. Tuy nhiên, nước này vẫn mở thầu nhập khẩu thêm 1,7 triệu tấn urê để đảm bảo nguồn cung cho nông dân trong mùa gieo trồng.

Chính phủ đã phê duyệt hai giống lúa mới do Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế (IRRI) và Hội đồng Nghiên cứu Nông nghiệp Ấn Độ (ICAR) cùng phát triển, dành cho phương thức gieo sạ trực tiếp (DSR), sử dụng ít nước và nhân công hơn so với canh tác truyền thống.

Thái Lan

Giá gạo xuất khẩu tuần qua tiếp tục tăng mạnh, giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 461 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng 63 USD/tấn so với tháng trước và tăng 58 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo đang chịu tác động từ tình trạng thời tiết khô hạn và nguy cơ El Nino mạnh trong nửa cuối năm 2026. Lượng mưa thấp hơn bình thường tại nhiều khu vực trồng lúa đã làm gia tăng lo ngại về sản lượng vụ mới, trong khi chi phí sản xuất tăng do giá nhiên liệu và phân bón cao.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 375 USD/tấn, tăng 25 USD/tấn so với tuần trước, tăng 23 USD/tấn so với tháng trước và giảm 19 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Giá gạo tuần qua có xu hướng tăng nhờ hoạt động thu mua nội địa gia tăng sau kỳ nghỉ lễ và nhu cầu nhập khẩu từ Philippines tăng. Các nhà xuất khẩu đã ký thêm đơn hàng mới với Philippines trong khi nguồn cung còn hạn chế do nước này đã vào giai đoạn cuối vụ. Thị trường cho biết các thương nhân đã thu mua khoảng 70-75 ngàn tấn gạo để xuất khẩu sang Philippines trong tháng 6/2026, với nhiều tàu đang bốc hàng tại cảng Karachi. Nước này cũng đang thực hiện các đơn hàng sang Malaysia và Trung Quốc. Một số doanh nghiệp cho biết phía Philippines đã bắt đầu tìm hiểu nguồn hàng giao tháng 7/2026, tuy nhiên hiện chưa ghi nhận giao dịch. Diễn biến này đánh dấu sự phục hồi của thị trường sau giai đoạn giao dịch trầm lắng do bất ổn địa chính trị và áp lực cạnh tranh từ gạo Ấn Độ. Nhu cầu nhập khẩu mới từ Philippines đã góp phần hỗ trợ giá gạo tăng trở lại trong bối cảnh nguồn cung xuất khẩu ngày càng hạn chế.

Miền Đilen

Theo số liệu sơ bộ từ Liên đoàn Gạo Miền Điện (MRF), nước này đã xuất khẩu khoảng 136 ngàn tấn gạo các loại trong tháng 05/2026, giảm 19,6% so với thời điểm tháng 04/2026 và giảm 47,5% so với cùng kỳ năm 2025. Gạo tằm tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ lực, với số lượng xuất khẩu khoảng 78 ngàn tấn, chiếm 58% tổng lượng. Philippines là thị trường nhập khẩu gạo trắng lớn nhất với khoảng 23 nghìn tấn, Trung Quốc dẫn đầu nhập khẩu gạo tằm với khoảng 41 nghìn tấn. Thị trường cho biết sản lượng xuất khẩu trong tháng 05/2026 giảm do nguồn cung bị ảnh hưởng bởi chi phí nhiên liệu, phân bón và cước vận chuyển tăng cao trong giai đoạn căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông.

Tuy nhiên, nhờ kết quả xuất khẩu tích cực trong những tháng đầu năm, tổng lượng gạo xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm 2026 ước đạt 928 ngàn tấn, tăng khoảng 8% so với cùng kỳ 2025.

Campuchia

Theo số liệu của Liên đoàn Gạo Campuchia (CRF), lượng gạo xuất khẩu trong tháng 05/2026 ước đạt 99 ngàn tấn, giảm khoảng 8% so với tháng 04/2026, tuy nhiên tăng gần 60% so với cùng kỳ năm 2025.

Lũy kế xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 569 nghìn tấn gạo, tăng 65% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, gạo thơm chiếm gần 60% tổng lượng gạo xuất khẩu của nước này. ASEAN tiếp tục là khu vực tiêu thụ lớn nhất với khoảng 209 nghìn tấn, tiếp theo là Trung Quốc với 162 nghìn tấn và Liên minh châu Âu (EU) với 154 nghìn tấn.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	02 - 06	03 - 06	04 - 06	05 - 06	08 - 06
Trung Quốc (CNY/USD)	6,77	6,76	6,77	6,77	6,77
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,86	0,87
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.825,47	17.837,54	17.938,23	18.010,60	18.059,81
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	3,97	3,96	4,00	4,01	4,03
Philippines Peso (PHP/USD)	61,82	61,65	61,78	61,51	61,76
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.511,95	1.517,34	1.529,74	1.531,93	1.557,54
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	159,66	159,88	159,99	159,98	160,33
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,17	95,27	95,77	95,73	95,16
Miền Điện (MMK/USD)	2.099,71	2.099,35	2.099,65	2.099,86	2.099,30
Pakistan Rupees (PKR/USD)	278,45	278,36	278,36	278,27	278,31

Thái Lan Baht (THB/USD)	32,63	32,65	32,71	32,65	32,83
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.322,33	26.303,14	26.342,61	26.317,15	26.295,13

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 08/06/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống sớm với diện tích 972 ngàn ha/1,243 triệu ha đạt chiếm tỷ lệ 78% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 73 ngàn tấn với năng suất khoảng 67,49 tạ/ha, sản lượng ước đạt 493 ngàn tấn lúa.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/05 đến 31/05/2026 đạt **902.228 tấn**, trị giá **430,235 triệu USD**. Lũy kế xuất khẩu đến ngày 31/05/2026 đạt **4,275 triệu tấn**, trị giá **2,010 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2025 tăng 1,86% về số lượng và giảm 7,38% về trị giá. Giá bình quân đạt 470,15 USD/tấn so với cùng kỳ giảm 17,53% so với cùng kỳ năm 2025.

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/06 – 08/06/2026 có 11 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 78.480 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Tràng An 05	HCM	02/05/2026	12.500	Philippines
2	Đại Tây Dương 25	HCM	21/05/2026	4.950	Philippines
3	Hải Thuận 06	HCM	25/05/2026	5.000	Philippines
4	Quang Minh 5	HCM	25/05/2026	4.500	Malaysia
5	Angele N	HCM	26/05/2026	50.000	Châu phi
6	Phương Nam 1	HCM	26/05/2026	6.000	Philippines
7	Tân An Dynamic	HCM	26/05/2026	6.800	Philippines
8	Tân An 01	HCM	28/05/2026	5.080	Philippines
9	AP Queen	HCM	29/05/2026	10.000	Philippines
10	VS Glory	HCM	29/05/2026	4.000	Philippines
11	Royal 16	HCM	30/05/2026	5.000	Philippines
12	Star 55	HCM	31/05/2026	6.850	Philippines

Bản tin 1559 (Từ Ngày 02/06/2026 Đến Ngày 08/06/2026)

13	An Thịnh Phú 08	HCM	01/06/2026	6.350	Philippines
14	Adira 16	HCM	02/06/2026	2.800	Malaysia
15	Mekong	HCM	02/06/2026	4.100	Philippines
16	PHC Honesty	HCM	02/06/2026	15.400	Philippines
17	Tân An Bonanaza	HCM	02/06/2026	6.830	Philippines
18	Bình Nguyên Star	HCM	04/06/2026	6.700	Philippines
19	Tân An Honesty	Mỹ Thới	05/06/2026	3.600	Philippines
20	Ta Star 03	HCM	07/06/2026	10.500	Philippines
21	MD Sky	HCM	08/06/2026	12.500	Philippines
22	Phúc Thuận 69	Mỹ Thới	08/06/2026	4.900	Philippines
23	Vinh Quang Dynamic	HCM	08/06/2026	4.800	Philippines
Tổng				199.160	



IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	04/06	+/-	04/06	+/-	04/06	+/-	04/06	+/-	04/06	+/-	04/06	+/-	04/06	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	6.050	-400	5.950	-	6.000	-	5.850	-100	6.050	-	6.350	-200	6.350	-200	6.350	6.086
Lúa thường	5.650	-300	5.650	-200	5.450	-	5.750	-100	6.150	-	6.150	-100	5.650	-600	6.150	5.779
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.450	-400	7.350	-	7.335	-	7.350	-	7.350	-			8.050	-	8.050	7.481
Lúa thường	7.250	-400	7.050	-100	6.440	-	7.050	-	7.400	-			7.750	-	7.750	7.157
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	8.850	+100	9.350	+200	9.700	-150	9.550	-	9.550	-			10.150	+100	10.150	9.525
Lứt loại 2	8.750	+100	8.600	-	8.700	-50	8.600	-	8.600	-	8.750	-	8.750	-	8.750	8.679
Xát trắng loại 1			11.250	+100			11.050	+175	10.850	-	11.550	+400	11.550	+400	11.550	11.250
Xát trắng loại 2			10.250	-			10.250	+100	10.250	-	10.250	-200	10.250	-200	10.250	10.250
Phụ Phẩm																
Tấm 1/2	7.650	+300	7.850	-150	7.775	-	7.750	-	7.700	-	7.850	-150	7.650	-100	7.850	7.746
Tấm 2/3			7.700	-100	7.750	-			7.675	-			7.450	-	7.750	7.644
Tấm 3/4	7.450	+200	7.600	-	7.700	+50									7.700	7.583
Cám xát	7.550	+300	7.700	-	7.675	-50	7.650	-25	7.800	-	7.800	-	7.350	-	7.800	7.646
Cám lau	7.550	+300	7.650	-	7.675	-50	7.650	-25	7.800	-	7.800	-	7.450	-	7.800	7.654
Gạo TPXK Không Bao Tại Man																
5%	10.500	+100	10.550	-	10.400	-	10.450	+50	10.500	-	10.550	-	10.450	-100	10.550	10.486
10%			10.450	-					10.300	-					10.450	10.375
15%	10.300	+100	10.250	-	10.200	-	10.250	+50	10.100	-	10.300	+50	10.150	-	10.300	10.221
20%									9.800	-					9.800	9.800
25%	10.100	+100	9.750	-	10.000	-	10.050	+50	9.500	-	10.100	+100	9.850	-100	10.100	9.907
